

2. Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các chủ dự án thuộc phạm vi quản lý của mình thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị, các chủ dự án cần phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Ban Quản lý và Tiếp nhận viện trợ Quốc tế) để nghiên cứu và giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
HỒ TẾ

THÔNG TƯ số 37-TC/TCT ngày 10-5-1995 hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ vào các Luật thuế, Pháp lệnh về thuế hiện hành;

Căn cứ vào các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật thuế, Pháp lệnh thuế hiện hành;

Căn cứ vào Nghị định số 178-CP ngày 28-10-1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài tiến hành hoạt động kinh doanh tại Việt Nam mà không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như sau.

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Các nghĩa vụ thuế hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với tất cả các tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài tiến hành các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, với tư cách là Nhà thầu cho các tổ chức và cá nhân Việt Nam, hoặc với tư cách là Nhà thầu phụ cho các Nhà thầu.

Thông tư này không áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- Các tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài có thu nhập tiền bản quyền theo quy định tại Pháp lệnh Chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam ngày 5-12-1988 và Điều lệ Mua bán li-xăng bản hành kèm theo Nghị định số 201-HĐBT ngày 28-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập tiền bản quyền theo hướng dẫn tại Thông tư số 8-TC/TCT ngày 5-2-1994 của Bộ Tài chính.

- Các nhà thầu dầu khí ký kết các hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam theo quy định tại điểm 8 Điều 3 Luật Dầu khí.

- Các cá nhân nước ngoài vào Việt Nam làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động ký với các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc do các tổ chức, cá nhân nước ngoài cử đến làm việc tại Việt Nam, được trả lương, tiền công. Các đối tượng này có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

- Các hợp đồng thương mại thuần túy giữa bên mua Việt Nam và bên bán nước ngoài.

2. Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

-"Nhà thầu" là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài tiến hành các hoạt động kinh doanh hay cung cấp dịch vụ tại Việt Nam trên cơ sở các hợp đồng (không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam) được ký giữa họ với tổ chức hoặc cá nhân Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Bên Việt Nam ký kết hợp đồng).

Thuật ngữ "Nhà thầu" cũng bao gồm cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp các "dịch vụ dầu khí" theo Luật Dầu khí.

- Thuật ngữ "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân tiến hành cung cấp các dịch vụ cho Nhà thầu hoặc thực hiện một phần công việc của Nhà thầu.

- Thuật ngữ "Bên Việt Nam ký kết hợp đồng" bao gồm:

+ Các tổ chức, pháp nhân được thành lập theo luật pháp Việt Nam;

+ Các công ty liên doanh, xí nghiệp 100% vốn nước ngoài và các bên hợp doanh hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

+ Các Nhà thầu dầu khí ký kết các "hợp đồng dầu khí" theo Luật Dầu khí;

+ Các Ngân hàng liên doanh, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép;

+ Các chi nhánh công ty nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;

+ Các tổ chức nước ngoài đặt tại Việt Nam;

+ Cá nhân Việt Nam.

- "Hợp đồng Nhà thầu" là hợp đồng được ký kết giữa Nhà thầu với Bên Việt Nam ký kết hợp đồng.

- "Hợp đồng Nhà thầu phụ" là hợp đồng được ký giữa Nhà thầu phụ với Nhà thầu.

3. Trường hợp Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam tham gia ký kết một Điều ước quốc tế hoặc ký một Hiệp định hay cam kết với các tổ chức quốc tế hay Nhà nước, Chính phủ nước khác mà trong văn bản đó có quy định khác liên quan đến các vấn đề quy định tại Thông tư này thì áp dụng theo các quy định của Điều ước, Hiệp định hay cam kết đó.

II. CÁC LOẠI THUẾ ÁP DỤNG

1. Thuế doanh thu:

Nhà thầu, Nhà thầu phụ có doanh thu từ các hoạt động tiến hành tại Việt Nam phải nộp thuế doanh thu theo quy định của Luật Thuế doanh thu.

1.1. Doanh thu tính thuế:

Doanh thu tính thuế là doanh thu mà Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ thu được từ các hoạt động tiến hành tại Việt Nam, được xác định theo các nguyên tắc quy định tại Luật Thuế doanh thu và các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành Luật này.

- Trường hợp Nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu phụ để các Nhà thầu phụ thực hiện một phần công việc của Nhà thầu theo hợp đồng ký với Bên Việt Nam ký hợp đồng thì doanh thu tính thuế của Nhà thầu không bao gồm phần giá trị hợp đồng do các Nhà thầu phụ thực hiện. Nhà thầu phụ có trách nhiệm nộp thuế trên toàn bộ giá trị hợp đồng ký với Nhà thầu chính. Tuy nhiên, Nhà thầu có trách nhiệm yêu cầu Nhà thầu phụ cung cấp một bản sao chứng từ đã nộp thuế của Nhà thầu phụ để xuất trình cho cơ quan thu thuế đối với Nhà thầu. Nếu không xuất trình được chứng từ nêu trên, Nhà thầu sẽ phải nộp thuế trên toàn bộ giá trị Hợp đồng Nhà thầu.

- Đối với các Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ thực hiện hợp đồng xây dựng có lắp đặt máy móc, thiết bị toàn bộ thì doanh thu tính thuế của hoạt động xây dựng không bao gồm giá trị máy móc, thiết bị được lắp đặt.

- Nếu trong Hợp đồng Nhà thầu hoặc Hợp đồng Nhà thầu phụ không chỉ rõ địa điểm mà các hoạt động kinh doanh hay dịch vụ của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ được thực hiện (tại Việt Nam hay ở nước ngoài) thì doanh thu tính thuế là toàn bộ doanh thu thu được theo hợp đồng.

- Trường hợp Nhà thầu cùng đứng tên (liên danh) với một tổ chức kinh tế hoặc cá nhân Việt Nam để ký kết và thực hiện một Hợp đồng Nhà thầu và doanh thu từ Hợp đồng Nhà thầu được chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho các bên liên danh thì doanh thu tính thuế của Nhà thầu là phần doanh thu được chia cho Nhà thầu theo tỷ lệ nêu trên (doanh thu chưa trừ bất kể một khoản chi phí nào).

Trường hợp Nhà thầu liên danh với tổ chức kinh tế hoặc cá nhân Việt Nam để thực hiện Hợp đồng Nhà thầu theo phương thức chia lợi nhuận hoặc chia doanh thu sau khi đã trừ chi phí thì doanh thu tính thuế của Nhà thầu được tính theo tỷ lệ chia thỏa thuận trong hợp đồng trên tổng doanh thu thu được do thực hiện hợp đồng.

1.2. Thuế suất thuế doanh thu:

Thuế suất thuế doanh thu được áp dụng đối với từng loại hoạt động kinh doanh hay dịch vụ theo Biểu thuế doanh thu ban hành kèm theo Nghị định số 55-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế doanh thu, và các văn bản của Chính phủ quy định về thuế suất thuế doanh thu.

Riêng đối với các hoạt động dịch vụ đầu khí, căn cứ vào quy định tại Nghị định số 55-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thuế suất thuế doanh thu như sau:

Hoạt động	Thuế suất
1. Các dịch vụ cho thuê giàn khoan, tàu khoan, tàu địa chấn, máy bay, máy móc thiết bị, dụng cụ hoặc phương tiện khác (trừ các phương tiện cho thuê quy định tại điểm 10, mục VI, Biểu thuế doanh thu)	4%
2. Các dịch vụ kỹ thuật: địa chấn, địa chất công trình, thử vỉa, bơm trám xi măng, xử lý, tái xử lý môi trường tài liệu tại Việt Nam	2%
3. Các dịch vụ cung cấp nước, lương thực, thực phẩm	1%
4. Các dịch vụ cung cấp vật tư, hóa phẩm: xi măng, dung dịch khoan, cần khoan, ống chống, chèo khoan.	1%
5. Dịch vụ tư vấn cố vấn giám sát thi công, cung cấp lao động	4%
6. Dịch vụ bảo hiểm y tế	4%
7. Các dịch vụ đầu khí khác	4%

2. Thuế lợi tức:

Lợi tức mà các Nhà thầu, Nhà thầu phụ thu được do thực hiện các Hợp đồng Nhà thầu hoặc Hợp đồng Nhà thầu phụ là đối tượng chịu thuế lợi tức theo Luật Thuế lợi tức. Thuế suất thuế lợi tức

quy định tại Điều 10 của Luật Thuế lợi tức. Để chuẩn bị cho việc thu và nộp thuế, Bộ Tài chính ấn định lợi tức chịu thuế bằng tỷ lệ (%) trên doanh thu thực hiện hợp đồng theo từng ngành nghề kinh doanh. Mức quy định cụ thể như sau:

Hoạt động	Lợi tức chịu thuế ấn định trên doanh thu (%)	Thuế suất thuế lợi tức theo Luật Thuế lợi tức	Số thuế lợi tức phải nộp quy đổi trên doanh số (%)
1. Hoạt động thuộc các ngành có thuế suất thuế lợi tức 25%: xây dựng, vận tải (không bao gồm hoạt động vận tải của các tàu biển nước ngoài là đối tượng nộp thuế cước quy định tại Thông tư số 85-TC/TCT ngày 24-10-1994 của Bộ Tài chính)	8%	25%	2%
2. Hoạt động thuộc các ngành có thuế suất thuế lợi tức 35%	10%	35%	3,5%
3. Hoạt động thuộc các ngành có thuế suất thuế lợi tức 45%	14%	45%	6,3%
Riêng dịch vụ đầu khí	10%	45%	4,5%

3. Các loại thuế khác như thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập tiền bản quyền... thực hiện theo các quy định của luật pháp về thuế hiện hành.

III. THỦ TỤC KÊ KHAI, NỘP THUẾ

1. Thủ tục đăng ký thuế:

- Trong phạm vi 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng với Nhà thầu, Bên Việt Nam phải thực hiện việc khai báo và đăng ký với cơ quan thuế địa phương nơi Bên Việt Nam đặt trụ sở chính về hoạt động của các Nhà thầu, Nhà thầu phụ tại Việt Nam theo các Hợp đồng đã được ký kết với Bên Việt Nam. Thủ tục đăng ký thuế gồm:

- + Tờ khai đăng ký nộp thuế.
- + Bản sao Hợp đồng Nhà thầu, Nhà thầu phụ (bằng tiếng Việt Nam). Đối với các hợp đồng dịch vụ đầu khí hoặc những hợp đồng có nội dung về kỹ thuật nghiệp vụ thì có thể gửi bản tóm tắt hợp đồng với những nội dung chủ yếu liên quan đến các hoạt động sẽ được tiến hành theo hợp đồng, phương thức thanh toán, thời hạn hợp đồng, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia ký kết hợp đồng.
- + Các tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan thuế (nếu cần thiết).
- + Trường hợp các Nhà thầu, Nhà thầu phụ muốn trực tiếp nộp thuế với cơ quan thuế phải gửi kèm đơn đăng ký trực tiếp nộp thuế.

Trong phạm vi 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thuế, cơ quan thuế địa phương có trách nhiệm thông báo cho Bên Việt Nam ký hợp đồng các thủ tục nộp thuế của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ như thời hạn nộp thuế, tài khoản của ngân sách tại Kho bạc Nhà nước..., thông báo cho Nhà thầu, Nhà thầu phụ và Bên Việt Nam ký hợp đồng việc chấp thuận hay không chấp thuận cho Nhà thầu, Nhà thầu phụ được trực tiếp nộp thuế và lý do của việc không chấp thuận.

- Bên Việt Nam ký hợp đồng được Bộ Tài chính ủy quyền thực hiện việc khấu trừ và nộp các khoản thuế của các Nhà thầu, Nhà thầu phụ vào ngân sách Nhà nước thay cho họ. Đối với các Nhà thầu, Nhà thầu phụ hoạt động trong lĩnh vực đầu khí, Bộ Tài chính ủy quyền việc thu thuế cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (trừ các trường hợp Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ được cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư này chấp nhận được trực tiếp nộp thuế với cơ quan thuế).

2. Thủ tục kê khai, nộp thuế:

2.1. Đối với Bên Việt Nam ký hợp đồng được Bộ Tài chính ủy quyền thực hiện việc khấu trừ thuế của các Nhà thầu, Nhà thầu phụ:

- Mỗi lần thanh toán tiền theo Hợp đồng cho Nhà thầu và/hoặc Nhà thầu phụ, Bên Việt Nam phải kê khai số thuế phải nộp với cơ quan thuế và có trách nhiệm khấu trừ số tiền thuế doanh thu và lợi tức phải nộp của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ và nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan thuế trong phạm vi 5 ngày kể từ ngày thanh toán tiền cho Nhà thầu và/hoặc Nhà thầu phụ. Trường hợp phát hiện việc kê khai, tính toán số thuế phải nộp chưa chính

xác, trong vòng 5 ngày cơ quan thuế sẽ thông báo lại số thuế phải nộp cho Bên Việt Nam.

- Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng Nhà thầu hoặc Hợp đồng Nhà thầu phụ được thanh lý, Bên Việt Nam ký hợp đồng có trách nhiệm quyết toán với cơ quan thuế về số thuế thực tế phải nộp theo thanh lý hợp đồng.

- Trường hợp khi quyết toán thuế, số thuế phải nộp lớn hơn số thuế đã nộp thì Bên Việt Nam ký hợp đồng có trách nhiệm nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách Nhà nước trong phạm vi 5 ngày sau khi quyết toán thuế.

- Trường hợp khi quyết toán thuế, số thuế thực tế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã nộp thì Bộ Tài chính sẽ hoàn lại số thuế nộp thừa cho Bên Việt Nam. Để có căn cứ cho việc hoàn lại tiền thuế nộp thừa, Bên Việt Nam ký hợp đồng phải gửi cho Bộ Tài chính các tài liệu sau:

- + Biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng;
- + Xác nhận của cơ quan thuế địa phương về số thuế phải nộp và số thuế đã nộp của toàn bộ hợp đồng;
- + Công văn của Bên Việt Nam đề nghị hoàn lại số thuế nộp thừa;
- + Xác nhận của cơ quan Kho bạc Nhà nước về số thuế đã nộp.

- Trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trên, Bộ Tài chính sẽ hoàn lại số thuế nộp thừa vào tài khoản của Bên Việt Nam.

- Nhà thầu và Nhà thầu phụ hoạt động trong lĩnh vực dầu khí (trừ các Nhà thầu, Nhà thầu phụ được cơ quan thuế cho nộp thuế trực tiếp) thực hiện việc quyết toán thuế hàng năm đối với các Hợp đồng Nhà thầu và Hợp đồng Nhà thầu phụ. Định kỳ vào ngày 15 các tháng đầu quý, Tổng công ty Dầu khí phải báo cáo với cơ quan thu thuế số thuế phải nộp của Nhà thầu, Nhà thầu phụ, số thuế đã nộp ngân sách, các Hợp đồng Nhà thầu, Hợp đồng Nhà thầu phụ phát sinh hoặc thanh lý trong kỳ.

2.2. Thủ tục kê khai, nộp thuế đối với các Nhà thầu, Nhà thầu phụ được phép trực tiếp nộp thuế:

- Trường hợp được chấp thuận trực tiếp nộp thuế, các Nhà thầu, Nhà thầu phụ phải làm thủ tục kê khai nộp thuế với cơ quan thuế. Thủ tục kê khai, nộp thuế doanh thu, thuế lợi tức thực hiện theo quy định của Luật Thuế doanh thu, Luật Thuế lợi tức và các văn bản hiện hành hướng dẫn thi hành các Luật này.

- Trường hợp một Nhà thầu được phép trực tiếp nộp thuế có ký Hợp đồng Nhà thầu phụ với các Nhà thầu phụ, nếu các Nhà thầu phụ này không được phép trực tiếp nộp thuế thì Nhà thầu

có trách nhiệm khấu trừ và nộp các khoản thuế của các Nhà thầu phụ vào ngân sách Nhà nước thay cho họ trong phạm vi 5 ngày kể từ ngày thực hiện từng lần thanh toán tiền theo Hợp đồng Nhà thầu phụ.

- Nội dung quyết toán thuế và xử lý số thuế nộp thiếu hoặc thừa của các Nhà thầu, Nhà thầu phụ thực hiện như quy định đối với Bên Việt Nam ký hợp đồng.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN VIỆT NAM KÝ HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU VÀ NHÀ THẦU PHỤ

1. Trách nhiệm của Bên Việt Nam ký hợp đồng:

- Trong phạm vi 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng với Nhà thầu, Bên Việt Nam phải thực hiện việc khai báo và đăng ký với cơ quan thuế về hoạt động của các Nhà thầu, Nhà thầu phụ tại Việt Nam theo các Hợp đồng đã được ký kết với Bên Việt Nam (bất kể Nhà thầu đó có đăng ký trực tiếp nộp thuế hay không).

- Thực hiện việc khấu trừ số thuế phải nộp của các Nhà thầu, Nhà thầu phụ không được trực tiếp nộp thuế và nộp số thuế đó vào ngân sách Nhà nước thay cho họ một cách đầy đủ và đúng thời hạn quy định tại Thông tư này.

- Thực hiện việc quyết toán thuế phải nộp của các Nhà thầu, Nhà thầu phụ với cơ quan thuế.

2. Trách nhiệm của Nhà thầu, Nhà thầu phụ:

- Nhà thầu có trách nhiệm:

+ Cung cấp đầy đủ thông tin cho Bên Việt Nam để khai báo và đăng ký với cơ quan thuế.

+ Trong phạm vi 5 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng, Nhà thầu phụ phải cung cấp một bản sao (hoặc tóm tắt hợp đồng) cho Bên Việt Nam để đăng ký với cơ quan thuế, hoặc trực tiếp đăng ký với cơ quan thuế nếu Nhà thầu được phép trực tiếp nộp thuế.

+ Thực hiện việc khấu trừ số thuế phải nộp của các Nhà thầu phụ không được trực tiếp nộp thuế và nộp số thuế đó vào ngân sách Nhà nước thay cho họ.

+ Các Nhà thầu được phép trực tiếp nộp thuế có trách nhiệm nộp đầy đủ và đúng thời hạn quy định các khoản thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước; thực hiện việc quyết toán thuế phải nộp với cơ quan thuế.

- Nhà thầu phụ có trách nhiệm:

+ Cung cấp đầy đủ thông tin cho Nhà thầu để khai báo và đăng ký với cơ quan thuế.

+ Các Nhà thầu phụ được phép trực tiếp nộp thuế có trách nhiệm nộp đầy đủ và đúng thời hạn quy định các khoản thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước; thực hiện việc quyết toán thuế phải nộp với cơ quan thuế.

V. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

1. Xử lý vi phạm:

Các Nhà thầu, Nhà thầu phụ và các Bên Việt Nam ký hợp đồng có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của luật pháp và thuế hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

Các vi phạm luật pháp như không kê khai, đăng ký thuế của Bên Việt Nam ký hợp đồng hoặc của Nhà thầu, Nhà thầu phụ gây thất thu thuế; chậm nộp thuế; man khai trốn thuế của Bên Việt Nam ký hợp đồng hoặc của Nhà thầu, Nhà thầu phụ, sẽ bị xử phạt theo pháp luật hiện hành.

2. Giải quyết khiếu nại:

Các khiếu nại về thuế của Nhà thầu, Nhà thầu phụ hoặc của Bên Việt Nam ký hợp đồng sẽ do cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế giải quyết. Nếu người khiếu nại chưa thỏa mãn với xử lý của cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế thì có thể gửi đơn khiếu nại tới Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính. Quyết định xử lý của Bộ, trưởng Bộ Tài chính là quyết định cuối cùng. Trong khi chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, người khiếu nại vẫn phải thực hiện nghiêm chỉnh kết luận của cơ quan thuế địa phương trực tiếp quản lý thu thuế đã đưa ra.

Các khiếu nại về thuế của các Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ liên quan đến các quy định của một Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ một nước khác sẽ được giải quyết theo các thủ tục giải quyết khiếu nại và tranh chấp đã quy định trong Hiệp định đó.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bên Việt Nam ký hợp đồng và các Nhà thầu, Nhà thầu phụ được ủy quyền thực hiện việc khấu trừ thuế và nộp thuế vào ngân sách Nhà nước thay cho các Nhà thầu, Nhà thầu phụ (tùy theo từng ngữ cảnh cụ thể), sẽ được hưởng một khoản thù lao bằng 0,8% số thuế thực tế thu được. Số tiền thù lao này được khấu trừ từ số tiền thuế thu được trước khi nộp vào tài khoản của ngân sách Nhà nước và được sử dụng để trang trải các chi phí cho việc thu, nộp thuế và để khen thưởng cho các cá nhân tham gia thu và nộp thuế của các Bên Việt Nam ký hợp đồng, Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 6 năm 1995 và thay thế cho Thông tư số 7-TC/TCT ngày 30-3-1992 và Thông tư số 30-TC/TCT ngày 18-7-1992 của Bộ Tài chính áp dụng đối với các hợp đồng được ký kết từ ngày 1 tháng 6 năm 1995 trở đi.

Các hợp đồng đã ký trước ngày 1-6-1995 vẫn áp dụng theo các quy định của Thông tư số 30-TC/TCT và Thông tư số 7-TC/TCT cho các khoản thanh toán theo hợp đồng cho đến hết ngày 30-9-1995, kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1995 trở đi thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

VŨ MỘNG GIAO